

BÁO CÁO

Việc thực hiện Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Văn bản số 1179/BNV-CCVC ngày 18/3/2023 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo việc thực hiện Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, UBND thành phố Hà Nội báo cáo Bộ Nội vụ cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến

Nhận thức được công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật về tuyển dụng, sử dụng, quản lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có vị trí, vai trò quan trọng trong việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước, UBND Thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đồng thời giao trách nhiệm cho các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt, triển khai, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương như: Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành.

UBND Thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã, tổ chức nghị triển khai, quán triệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thực hiện như: Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức; Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng và sử dụng công chức; Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng, nâng ngạch công chức; Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ về quy định chức danh nghề nghiệp viên chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP

ngày 8/5/2012 của Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức và văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố, công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 và văn bản quy phạm pháp luật liên quan được triển khai với nhiều hình thức như: Hội nghị, lớp tập huấn; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; lồng ghép nội dung pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức trong các buổi sinh hoạt của cơ quan, đơn vị; các buổi giao ban định kỳ của lãnh đạo các đơn vị và các cuộc thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác; đã ban hành nhiều văn bản, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đồng thời giao trách nhiệm cho Trưởng các phòng chức năng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt, triển khai, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, Thành phố về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Qua công tác tuyên truyền, quán triệt và phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đã tăng cường nhận thức cho công chức, viên chức, người lao động, góp phần xây dựng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trên từng vị trí công tác để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Thành phố.

2. Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật

- Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô.

- Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

- Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan,

đơn vị thuộc thành phố Hà Nội và Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số điều của Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND.

- Quyết định số 91/2009/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của UBND thành phố Hà Nội về thu hút, sử dụng, đào tạo tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố;

- Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.

- Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND Thành phố quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn về công nghệ thông tin, viễn thông tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố Hà Nội

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (thay thế Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND Thành phố).

- Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính thuộc thành phố Hà Nội (thay thế Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND Thành phố).

- Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý, người quản lý doanh nghiệp, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán

bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội (thay thế Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND và Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố).

- Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (thay thế Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND Thành phố).

UBND thành phố Hà Nội luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức. Công tác tham mưu, xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố được đổi mới, có nhiều tiến bộ. Các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền; thể thức, quy trình xây dựng văn bản kịp thời, khả thi góp phần vào nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước của Thành phố. Các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã kịp thời triển khai các Văn bản của UBND Thành phố để đảm bảo thực hiện thống nhất theo quy định.

3. Việc chấp hành các quy định của luật

3.1. Các quy định về hoạt động công vụ của cán bộ, công chức

UBND Thành phố ban hành nhiều quyết định, kế hoạch, chỉ thị siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; đổi mới lề lối, phong cách làm việc, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội (Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 23/12/2022 về việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội trong năm 2023 và dịp Tết Nguyên đán Quý Mão; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 19/01/2022 về tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội năm 2022; Văn bản số 666/UBND-NC ngày 03/03/2020 về việc chấn chỉnh thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 17/04/2018 về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội năm 2018; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 07/02/2017 về việc tổ chức thực hiện Năm kỷ cương hành chính 2017; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 08/01/2013 về việc thực hiện Năm kỷ cương hành chính năm 2013...)

Để đảm bảo triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, hàng năm, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch về thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội, trọng tâm là các nội dung về kỷ cương hành chính, gồm các văn bản của Trung ương, của Thành phố về kỷ luật, kỷ cương hành chính; về đạo đức, tác phong khi thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước; thực hiện tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử của Thành phố, các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; cung cấp thông tin thường xuyên qua giao ban báo chí hàng tuần của Thành ủy; thực hiện tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh tại cơ sở, chú trọng tuyên truyền tại trụ sở các cơ quan, đơn vị, điểm tiếp dân, nơi tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

3.2. Các quy định về quyền, nghĩa vụ, những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố đều ban hành Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy tắc ứng xử. Trong đó, nêu rõ các quy định về hoạt động công vụ, những việc phải làm và những việc không được làm theo quy định của pháp luật và theo của cơ quan, đơn vị cũng như theo phân công nhiệm vụ của từng phòng, ban đơn vị. Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị luôn quan tâm bảo đảm đầy đủ các quyền và điều kiện thi hành công vụ để góp phần giúp công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tất cả các địa điểm tiếp dân và nơi giải quyết thủ tục hành chính từ Thành phố đến cơ sở đều niêm yết cụ thể các nội dung yêu cầu ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô. Công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật, kỷ cương, đạo đức, văn hóa công vụ được thực hiện thường xuyên, gắn với công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc quản lý tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế, vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố.

Đặc biệt, trong những năm qua, công tác kiểm tra công vụ được UBND Thành phố tiếp tục quan tâm và tăng cường nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của công dân, tổ chức; tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; phát hiện, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền; xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

3.3. Các quy định liên quan đến cán bộ

UBND Thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã hàng tuần báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (qua Văn phòng

UBND Thành phố); giao thủ trưởng các các cơ quan, đơn vị trực thuộc tiến hành tự kiểm tra việc thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND Thành phố, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND Thành phố; định kỳ ngày 25 hàng tháng, các cơ quan chuyên môn, UBND quận, huyện, thị xã báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố tình hình kiểm tra việc thi hành các văn bản, công việc được giao thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý. Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố về toàn bộ công việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của mình, ngay cả khi đã phân công hoặc ủy nhiệm cho cấp phó; quán triệt đầy đủ sự chỉ đạo của UBND Thành phố và chức trách thực thi công vụ tại cơ quan, đơn vị.

Giám đốc, thủ trưởng các Sở, ban, ngành Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã cơ bản thực hiện nghiêm túc Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính; thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND Thành phố; chấp hành sự chỉ đạo, điều hành, kết luận của lãnh đạo Thành phố đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng theo kế hoạch.

Trong chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị, về cơ bản tuân thủ theo quy trình đã xây dựng, tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc, tránh lãng phí tài sản, lãng phí thời gian; đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo hướng hiện đại; ngày càng cải thiện chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để cập nhật thường xuyên, kịp thời, chính xác kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được Thành phố và cấp trên giao, hỗ trợ công tác điều hành, quản lý, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3.4. Các quy định liên quan đến công chức, viên chức

a) Công tác tuyển dụng

Căn cứ các quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thực hiện như: Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, UBND Thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, bảo đảm nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi tuyển, xét tuyển công chức. Việc tuyển dụng công chức được

tổ chức thường xuyên hàng năm đảm bảo quy định của pháp luật, từng bước đi vào nề nếp.

Căn cứ Luật viên chức, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, UBND Thành phố đã ban hành các Quyết định quy định về quản lý, sử dụng viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp theo hướng tăng cường phân cấp trong công tác tuyển dụng viên chức cho các cơ quan, đơn vị và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng quy định, cụ thể như: (i) Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội; (ii) Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội. Việc phân cấp thẩm quyền trong tuyển dụng viên chức nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng trong công tác tuyển dụng, gắn thẩm quyền tuyển dụng với thẩm quyền sử dụng viên chức và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng. Đồng thời, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường kiểm tra việc thực hiện tuyển dụng viên chức tại cơ quan, đơn vị nhằm phát hiện, kịp thời giải quyết những bất cập, vướng mắc trong kỳ tuyển dụng.

Về chính sách thu hút nhân tài, HĐND thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô. Trong giai đoạn 2016-2021, Thành phố đã thu hút được 12 viên chức là thủ khoa xuất sắc, 14 viên chức là bác sỹ nội trú, 77 viên chức là vận động viên, văn nghệ sỹ đoạt huy chương vàng hoặc giải nhất tại các kỳ thi chuyên nghiệp quốc gia, huy chương vàng, huy chương bạc hoặc giải nhất, nhì tại các cuộc thi khu vực hoặc thế giới.

b) Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp

Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Nội vụ hoặc các Bộ chuyên ngành, trên cơ sở xác định nhu cầu, dự kiến số lượng công chức, viên chức đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Thành phố đã hướng dẫn cụ thể các cơ quan, đơn vị về tiêu chuẩn, điều kiện nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với các ngạch, chức danh, chuyên ngành dự kiến tổ chức thi hoặc xét.

UBND Thành phố giao Sở Nội vụ thực hiện thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và chức danh nghề

nghiệp viên chức; xây dựng Đề án tổ chức, báo cáo UBND Thành phố phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

Các kỳ thi hoặc xét nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Thành phố được đưa vào Chương trình công tác hàng năm của UBND Thành phố để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

Việc thực hiện công tác nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được UBND Thành phố Hà Nội tổ chức khoa học, bài bản, đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

Thành phố xác định việc xây dựng nội dung ôn tập đảm bảo phù hợp với điều kiện tiêu, chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, công tác chuẩn bị đề thi trắc nghiệm và đề thi viết luôn bám sát nội dung ôn tập. UBND Thành phố đã giao Sở Nội vụ (cơ quan thường trực của Hội đồng thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức) hợp đồng xây dựng đề thi với các đơn vị có tư cách pháp nhân và có đủ năng lực xây dựng đề thi.

Việc tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện theo đúng nội dung, hình thức thi theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Các kỳ thi được tổ chức thành 02 vòng; trong đó, vòng 1 thi trắc nghiệm trên máy vi tính, vòng 2 thi viết chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với các kỳ xét nâng ngạch và thăng hạng, hồ sơ đăng ký xét của các cơ quan, đơn vị được chuẩn bị kỹ lưỡng, đảm bảo đầy đủ các thành phần hồ sơ. Ngoài trách nhiệm của cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ thì Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị cử công chức, viên chức dự nâng ngạch, thăng hạng chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét. Quy trình xét nâng ngạch, thăng hạng đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Công tác tổ chức làm phách, chấm thi được đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các bước yêu cầu bảo mật, Hội đồng thi hoặc xét đã thực hiện đúng nguyên tắc bảo mật theo quy định.

Việc tổ chức giám sát kỳ thi được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. UBND Thành phố đã giao Thanh tra Thành phố chủ trì, phối hợp với Thanh tra Sở Nội vụ, Công an Thành phố tổ chức giám sát các kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng nhằm đảm bảo tính độc lập, hiệu quả trong hoạt động giám sát.

Trên cơ sở hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thực hiện báo cáo về số lượng, cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp. Việc cử công chức, viên chức tham dự các kỳ thi hoặc xét nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đảm bảo phù hợp vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của từng cơ quan, đơn vị.

Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2019 - 2022, UBND Thành phố Hà Nội đã thực hiện việc thăng hạng, nâng ngạch cho khoảng hơn 27.000 công chức, viên chức. Tuy nhiên, nhu cầu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Thành phố Hà Nội còn rất lớn; trong đó, tập trung chủ yếu ở các nhóm ngành y tế, giáo dục, văn hóa.... Vì vậy, trong giai đoạn tiếp theo, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; đồng thời, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả việc nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Công tác đào tạo, bồi dưỡng

UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, các giáo sư, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành xây dựng nội dung chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch xã, phường, thị trấn và chương trình bồi dưỡng đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương đã được lãnh đạo Bộ Nội vụ đánh giá cao và lấy nội dung chương trình này làm cơ sở để xây dựng nội dung chương trình bồi dưỡng cho Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND cấp xã để áp dụng cho toàn quốc.

Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức này đã tạo sự đổi mới, cải cách mạnh mẽ, nâng cao thực chất, chất lượng hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng và đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến hoạt động công vụ phục vụ nhân dân, UBND Thành phố đã chỉ đạo tổ chức học tập theo hình thức tập trung liên tục. Thành phố Hà Nội áp dụng hình thức học tập trung liên tục đối với các lớp bồi dưỡng theo Đề án được CBCCVV tham gia học tập đánh giá cao.

Thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định 101/2017/NĐ-CP và các văn bản quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVV của Trung ương và Thành phố, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đào tạo,

bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức cấp xã và đối tượng khác thành phố Hà Nội năm 2023¹.

Thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020", đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lớp nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý, thực thi công vụ, nhiệm vụ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã (lớp thứ nhất trong năm 2017 với 90 học viên); phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội làm đối tác, liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài để triển khai, thực hiện 03 lớp đào tạo công chức, viên chức quản lý, giảng viên các trường đại học, cao đẳng tại nước ngoài. Hiện đang tổng hợp, rà soát, xây dựng chương trình báo cáo UBND Thành phố tổ chức 03 lớp (Nâng cao năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ cho công chức chuyên môn, nghiệp vụ; Nâng cao năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ cho công chức tiếp công dân, bộ phận một cửa và Nâng cao năng lực quản lý, phát triển của công chức, viên chức, lãnh đạo quản lý các Ban quản lý dự án).

Ngoài ra, UBND Thành phố đã cử đi đào tạo sau đại học được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 80 người (đào tạo trình độ Thạc sĩ 64 người, đào tạo trình độ Tiến sĩ 16 người); cử đi học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp 15 người, nghiệp vụ thanh tra 23 người, nghiệp vụ thanh tra viên chính 29 người. Tham mưu tổ chức 10 lớp bồi dưỡng cho 695 lượt học viên (146 học viên của 02 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, 46 học viên của 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức hành chính, 197 học viên của 03 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, 306 học viên của 04 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính). Phê duyệt nội dung, chương trình các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ từ 01 đến 03 ngày (theo thẩm quyền) cho các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của 07 cơ quan, đơn vị (Sở Giao thông Vận tải và các quận, huyện Ba Đình, Phúc Thọ, Nam Từ Liêm, Thanh Oai, Hai Bà Trưng, Tây Hồ). Chủ trì, phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia tổ chức 05 lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, nhiệm kỳ 2016-2021 với 1200 học viên, các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch và tổ chức lớp bồi dưỡng cho 13.655 đại biểu HĐND cấp xã theo thẩm quyền.

d) Việc điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm

Để kịp thời cụ thể hóa các quy định của Đảng và Chính phủ về công tác cán bộ, phù hợp với tiến trình cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, UBND Thành phố đã ban hành các Quyết định: số 43/2010/QĐ-UBND ngày 06/9/2010 quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển chức

¹ Khôi sở, cơ quan tương đương sở: 5384 lớp với 275.668 lượt người; UBND quận, huyện, thị xã: 805 lớp với 113.992 lượt người; Đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố Hà Nội: 52 lớp với 1.556 lượt người; Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2022: 292 tỷ 195 triệu đồng.

danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương ở các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; số 16/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá chung trong thời gian qua, các cơ quan, đơn vị đã chấp hành nghiêm túc các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm; công chức, viên chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ; đa số đã đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chức danh; các bước trong quy trình bổ nhiệm được tiến hành đầy đủ.

đ) Việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện nghiêm túc các quy định về đánh giá và xếp loại cán bộ, công chức, viên chức tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ và chỉ đạo của UBND Thành phố; Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, UBND Thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ tổ chức hướng dẫn đến thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động đến các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố theo đúng tiến độ quy định. Nhìn chung, việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai đối với cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, cơ bản khắc phục hiện tượng nể nang, hình thức trong đánh giá.

Kết quả đánh giá năm 2022

- Xếp loại đánh giá 18101 công chức, trong đó: 3318 người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 14254 người hoàn thành tốt nhiệm vụ; 337 người hoàn thành nhiệm vụ và 192 người không hoàn thành nhiệm vụ;

- Xếp loại đánh giá 5672 cán bộ trong đó: 1016 người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 4482 người hoàn thành tốt nhiệm vụ; 86 người hoàn thành nhiệm vụ và 88 người không hoàn thành nhiệm vụ;

- Xếp loại đánh giá 114832 viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó: 20404 người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 91479 người hoàn thành tốt nhiệm vụ; 2549 người hoàn thành nhiệm vụ và 400 người không hoàn thành nhiệm vụ.

3.5. Các quy định liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ở tổ dân phố

Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn đã quy định rõ chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ của công chức cấp xã là cơ sở để công chức thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ trong thực thi công vụ, là cơ sở để tuyển dụng, xây dựng nguồn cho đội ngũ cán bộ cấp xã, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đáp ứng được việc thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính ở xã, phường, thị trấn.

UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 về Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn và Nội quy kỳ thi tuyển công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội, theo đó đã quy định: Cơ cấu tuyển dụng vào các chức danh công chức theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã; Ngành, chuyên ngành phù hợp với từng chức danh công chức, ban hành Quy chế về thi tuyển, xét tuyển và bổ nhiệm chức danh Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng Quân sự, tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi; Nội quy thi tuyển công chức cấp xã.

Từ năm 2012 đến nay, thành phố Hà Nội đã tuyển được 2.824 công chức cấp xã, trong đó: trình độ Thạc sĩ: 104, Đại học 2.331, trung cấp 389 (chức danh Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã).

3.6. Các quy định liên quan đến nội dung quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Đối với việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, hàng năm, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp Thành phố Hà Nội. Theo Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp Thành phố Hà Nội năm 2023. biên chế công chức hành chính và biên chế công chức phường thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị là 10.545 biên chế (giảm 15 biên chế so với năm 2022), biên chế viên chức tại các đơn vị sự nghiệp, các hội đặc thù thuộc thành phố và các quận, huyện, thị xã là 113.662 biên chế (giảm

2.457 biên chế so với 2022), đảm bảo đúng số lượng giao theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ và Nghị quyết của HĐND Thành phố. Thành phố tiếp tục hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2021 - 2025 5% đối với biên chế công chức và 10% đối với biên chế viên chức theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 và Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022, đảm bảo đến hết năm 2026, giảm 397 biên chế công chức so với năm 2022; giảm 9.516 biên chế viên chức so với số được giao năm 2022.

Thực hiện Đề án thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 07/02/2022. Trong đó, phê duyệt danh sách 86 chức danh thí điểm thi tuyển tại 49 cơ quan, đơn vị thuộc Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã và Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố. Tính đến nay, UBND Thành phố cho phép dừng thi tuyển 10 chức danh²; 76 chức danh triển khai thi tuyển có 67 chức danh đã hoàn thành thi tuyển³, đạt tỉ lệ 88%. Việc thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý đã tạo nhiều cơ hội cho cán bộ, công chức, viên chức phát triển, thăng tiến và nâng cao tính cạnh tranh trong việc lựa chọn người có tài, đức vào vị trí lãnh đạo, quản lý. Đồng thời, góp phần xóa bỏ tình trạng cục bộ, khép kín trong công tác cán bộ trước đây, tăng cường tính dân chủ trong bố trí, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ. Việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua hình thức tổ chức thi tuyển bước đầu đã tạo chuyển biến lớn về nhận thức trong công tác cán bộ, hình thành môi trường thi tuyển lãnh đạo theo nguyên tắc công khai, minh bạch và cạnh tranh lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý. Mặt khác, đã mở rộng cơ hội để phát hiện những nhân tố mới mà tổ chức chưa có điều kiện quy hoạch vào chức danh cần tuyển, góp phần hạn chế tình trạng một số cán bộ có năng lực chuyển công tác sang khu vực tư; đảm bảo tuyển chọn người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và năng lực để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

3.7. Các quy định liên quan đến việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, nêu rõ số liệu kỷ luật theo từng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức

² Lý do: (1) một số đơn vị có phương án sắp xếp lại tổ chức bộ máy (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ); (2) một số chức danh có yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù (Sở Văn hóa và thể thao; Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long); (3) một số chức danh không đủ hồ sơ để tổ chức thi, không bảo đảm nguyên tắc có số dư (UBND quận Tây Hồ, UBND huyện Đan Phượng); (4) một số đơn vị dự báo chưa chính xác về chức danh khuyết thiếu (UBND huyện Thường Tín; Quỹ Đầu tư phát triển).

³ Trong số 67 chức danh hoàn thành thi tuyển, có 65 chức danh có người trúng tuyển (tỉ lệ 97%), 02 chức danh không có người trúng tuyển (tỉ lệ 3%) – tại 1 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở. Đối với các chức danh có người trúng tuyển, có tới 27 chức danh người trúng tuyển là nguồn nhân sự ngoài đơn vị (tỉ lệ 42%), tính riêng khối sự nghiệp giáo dục và đào tạo, có tới 20 chức danh có người trúng tuyển là nguồn nhân sự ngoài đơn vị (tỉ lệ 75% trong số 27 chức danh có người trúng tuyển là nguồn ngoài). Ngoài ra, có 40 người trúng tuyển là nữ (tỉ lệ 62%). Số nữ trúng tuyển cao cũng là do các chức danh thi tuyển chiếm số lượng lớn thuộc khối sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Thực hiện các quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện xử lý kỷ luật công chức, viên chức trên nguyên tắc khách quan, dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch, nghiêm minh và đúng pháp luật.

(số liệu kỷ luật theo từng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Biểu đính kèm)

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành luật

4.1. Các cuộc thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của luật

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay, UBND Thành phố thực hiện 3.291 cuộc thanh tra, kiểm tra các loại (Gồm 39 cuộc thanh tra nội vụ, 2.782 cuộc kiểm tra chuyên ngành nội vụ, 470 cuộc kiểm tra công vụ) đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố. Kết quả cụ thể như sau:

a) Thanh tra công vụ:

- Năm 2010: Không thực hiện cuộc thanh tra;
- Năm 2011: Không thực hiện cuộc thanh tra;
- Năm 2012: Thực hiện 01 cuộc thanh tra (UBND Huyện Hoài Đức);
- Năm 2013: Không thực hiện cuộc thanh tra;
- Năm 2014: Thực hiện 05 cuộc thanh tra (UBND các quận, huyện: Tây Hồ, Mê Linh, Sóc Sơn, Thường Tín; Sở Thông tin và Truyền thông);
- Năm 2015: Thực hiện 06 cuộc thanh tra (UBND các quận, huyện: Hoàng Mai, Thanh Oai, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; Ban quản lý các dự án trọng điểm phát triển đô thị Hà Nội; các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường);
- Năm 2016: Thực hiện 04 cuộc thanh tra (Bệnh viện Thanh Nhàn thuộc Sở Y tế, Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội, Sở Xây dựng, UBND huyện Quốc Oai);
- Năm 2017: Thực hiện 04 cuộc thanh tra (Liên minh Hợp tác xã thành phố Hà Nội; Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Trường cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội, UBND huyện Đông Anh);
- Năm 2018: Thực hiện 03 cuộc thanh tra (Sở Du lịch, UBND huyện Gia Lâm; Trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội);
- Năm 2019: Thực hiện 02 cuộc thanh tra (Bệnh viện đa khoa Đức Giang thuộc Sở Y tế, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội);

- Năm 2020: Thực hiện 03 cuộc thanh tra (Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội; Trường cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội, UBND quận Ba Đình);
- Năm 2021: Thực hiện 01 cuộc thanh tra (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội);
- Năm 2022: Thực hiện 08 cuộc thanh tra (UBND các huyện, thị xã: Ba Vì, Sơn Tây, Thanh Trì, Gia Lâm, Mỹ Đức, Thanh Oai, Phú Xuyên, Hoài Đức);
- Từ 01/01/2023 đến hết tháng 3/2023: Thực hiện 02 cuộc thanh tra (UBND các huyện Sóc Sơn, Đan Phượng).

b) Kiểm tra chuyên ngành nội vụ

- Năm 2017: Sở Nội vụ thực hiện 20 cuộc kiểm tra (UBND các quận, huyện Tây Hồ, Hà Đông, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Quốc Oai, Hoài Đức; các sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao, Quy hoạch - Kiến trúc, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông - Vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Quỹ đầu tư phát triển Thành phố, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch); Các cơ quan, đơn vị khác thực hiện 616 cuộc kiểm tra các loại (139 cuộc kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch, 28 cuộc kiểm tra chuyên ngành đột xuất, 395 cuộc kiểm tra công vụ các loại, 49 cuộc kiểm tra cải cách hành chính, 05 cuộc kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng.

- Năm 2018: Các cơ quan, đơn vị khác thực hiện 01 cuộc thanh tra về công tác tổ chức cán bộ, 06 cuộc thanh tra về công tác phòng chống tham nhũng, thanh tra hành chính có nội dung liên quan công tác tổ chức cán bộ; 802 cuộc kiểm tra các loại (259 cuộc kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch, 14 cuộc kiểm tra chuyên ngành đột xuất, 529 cuộc kiểm tra công vụ) có nội dung liên quan công tác tổ chức cán bộ.

- Năm 2019: Sở Nội vụ thực hiện 03 cuộc kiểm tra (UBND Huyện Thanh Oai; Sở Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thành phố Hà Nội); Các cơ quan, đơn vị khác thực hiện 451 cuộc kiểm tra các loại (248 cuộc kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch, 20 cuộc kiểm tra chuyên ngành đột xuất, 183 cuộc kiểm tra công vụ) có nội dung liên quan công tác tổ chức cán bộ.

- Năm 2020: Các cơ quan, đơn vị thực hiện 326 cuộc kiểm tra các loại (134 cuộc kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch, 37 cuộc kiểm tra chuyên ngành đột xuất, 155 cuộc kiểm tra công vụ) có nội dung liên quan công tác tổ chức cán bộ; kiểm tra công tác tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội; kiểm tra công tác tuyển dụng viên chức đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND Thành phố.

- Năm 2021: Sở Nội vụ kiểm tra 24 cuộc về công tác tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND các quận, huyện, thị xã; Các cơ quan, đơn vị khác thực hiện 206 cuộc kiểm tra các loại (124 cuộc kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch, 24 cuộc kiểm tra chuyên ngành đột xuất, 58 cuộc kiểm tra công vụ) có nội dung liên quan công tác tổ chức cán bộ; Thực hiện kiểm tra công tác tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp năm 2021 đối với 14 đơn vị (UBND quận, huyện, thị xã Long Biên, Sơn Tây, Gia Lâm, Thanh Oai, Phúc Thọ; các trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội, cao đẳng Cộng đồng Hà Tây; Ban quản lý các khu công nghiệp chế xuất; Báo Kinh tế và Đô thị; các viện Quy hoạch - Xây dựng, Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội; các sở Công thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường).

- Năm 2022: Sở Nội vụ thực hiện 13 cuộc kiểm tra (09 cuộc kiểm tra chuyên ngành về công tác nội vụ đối với 04 Sở (Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Quy hoạch - Kiến trúc, Văn hóa và thể thao) và 01 đơn vị sự nghiệp (Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc), 04 UBND quận, huyện (Mỹ Đức, Hai Bà Trưng, Phúc Thọ, Quốc Oai); 02 cuộc kiểm tra chuyên ngành về công tác tuyển dụng đối với UBND quận Ba Đình, Sở Xây dựng; 02 cuộc kiểm tra về công tác đào tạo bồi dưỡng đối với UBND huyện Đông Anh, Sở Giáo dục và Đào tạo); Các cơ quan, đơn vị khác thực hiện 314 cuộc kiểm tra các loại, gồm 160 cuộc kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch, 23 cuộc kiểm tra chuyên ngành đột xuất, 131 cuộc kiểm tra công vụ có nội dung liên quan công tác tổ chức cán bộ.

c) Kiểm tra công vụ:

- Năm 2010: Kiểm tra đột xuất 13 đơn vị;
- Năm 2011: Kiểm tra đột xuất 27 đơn vị;
- Năm 2012: Kiểm tra xác minh 03 vụ việc;
- Năm 2013: Kiểm tra 65 đơn vị ;
- Năm 2014: Kiểm tra đột xuất 24 đơn vị; kiểm tra xác minh 03 vụ việc;
- Năm 2015: Kiểm tra đột xuất 16 đơn vị;
- Năm 2016: Kiểm tra đột xuất 12 đơn vị, kiểm tra xác minh 11 vụ việc;
- Năm 2017: Kiểm tra đột xuất 15 đơn vị, kiểm tra xác minh 04 vụ việc;
- Năm 2018: Kiểm tra đột xuất 35 đơn vị, kiểm tra xác minh 13 vụ việc;
- Năm 2019: Kiểm tra đột xuất 34 đơn vị, kiểm tra xác minh 04 vụ việc;
- Năm 2020: Kiểm tra đột xuất 59 đơn vị, kiểm tra xác minh 07 vụ việc;
- Năm 2021: Kiểm tra đột xuất 64 đơn vị, kiểm tra xác minh 08 vụ việc;

- Năm 2022: Kiểm tra đột xuất 20 đơn vị, kiểm tra xác minh 06 vụ việc;
- Tính Đến tháng 3/2023 Kiểm tra đột xuất 25 đơn vị.

4.2. Khái quát các sai phạm phổ biến, điển hình

Kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy, các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố về cơ bản đã quán triệt và thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Thành phố về công tác tổ chức cán bộ. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại thiếu sót trong việc sử dụng lao động hợp đồng; việc quản lý, sử dụng biên chế và số lượng cấp phó; việc thực hiện chế độ tiền lương; việc bổ nhiệm; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể như sau:

- Các đơn vị chưa thực hiện đủ chỉ tiêu kế hoạch biên chế được giao và còn tình trạng sử dụng lao động hợp đồng làm nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ. Một số đơn vị không đăng ký tuyển dụng đủ chỉ tiêu biên chế còn thiếu, sử dụng lao động hợp đồng nhiều hơn chỉ tiêu biên chế còn thiếu, trong khi không được giao chỉ tiêu sử dụng lao động hợp đồng.

- Hồ sơ bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của hầu hết các đơn vị thiếu một số tài liệu thành phần: chứng nhận trình độ lý luận chính trị, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, có trường hợp thiếu văn bằng tốt nghiệp. Có đơn vị chậm đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển ngạch công chức, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức khi bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý. Có đơn vị điều động viên chức lãnh đạo, quản lý không đúng thẩm quyền.

- Các đơn vị thực hiện nâng bậc lương thường xuyên hai lần mỗi năm mà không thực hiện tại thời điểm người lao động đủ thời gian nâng bậc lương thường xuyên; một số đơn vị chưa quan tâm nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc.

- Một số đơn vị thực hiện quy trình tuyển dụng công chức, viên chức chưa chặt chẽ, có sơ suất khi chấm điểm, tổng hợp điểm, ban hành văn bản thực hiện tuyển dụng; có đơn vị thực hiện tuyển dụng viên chức không đúng kế hoạch được phê duyệt; có đơn vị chậm tiến độ thực hiện.

- Hồ sơ cán bộ, công chức của nhiều đơn vị chưa cập nhật đầy đủ, thường xuyên.

4.3. Kiến nghị khắc phục các sai phạm

Qua thanh tra, kiểm tra, đã kiến nghị, đề xuất cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấn chỉnh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, cụ thể:

- UBND Thành phố chỉ đạo chấm dứt việc sử dụng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và lao động hợp đồng khác làm công tác chuyên môn tại các sở, ngành thuộc Thành phố, UBND quận, huyện, thị xã; ban hành quy định về trình tự, thủ tục bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc Thành phố, về thực hiện chế độ tiền lương, về phân cấp quản lý công chức, viên chức phù hợp

với quy định hiện hành; rà soát lại chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các ban quản lý dự án theo hướng sáp nhập, hoặc giải thể để giảm bớt bộ máy trùng chéo giữa các ban quản lý dự án không cần thiết.

- Các sở, ngành hoàn thành việc xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm của các đơn vị theo kế hoạch chung của thành phố để làm cơ sở thực hiện tuyển dụng, bổ sung đủ biên chế hành chính; thực hiện thủ tục xét chuyển vào công chức đối với trường hợp viên chức mà đơn vị có nhu cầu sử dụng; đảm bảo bình đẳng quyền lợi và nghĩa vụ của lao động hợp đồng làm việc tại đơn vị.

- Thực hiện xét nâng lương thường xuyên đối với công chức, viên chức hàng tháng; quan tâm thực hiện chế độ nâng lương trước thời hạn cho công chức có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG THI HÀNH LUẬT VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập trong thi hành luật:

1.1. Vị trí việc làm:

Các quy định pháp luật hiện hành về xây dựng và triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm theo nguyên tắc chung, chưa sát với thực tế.

Việc xây dựng khung năng lực của vị trí việc làm mang tính chất định tính, bị chi phối bởi số lượng, chất lượng, kỹ năng làm việc của đội ngũ công chức, viên chức hiện có của đơn vị.

Việc triển khai rà soát xây dựng, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo quy định Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định 106/2020/NĐ-CP đối với các đơn vị hiện nay còn gặp nhiều khó khăn do tính phức tạp của hệ thống ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp mặt khác do các quy định pháp lý và các hướng dẫn hiện hành chưa rõ ràng, đầy đủ.

1.2. Công tác thi, xét nâng ngạch công chức:

Quy định về tiêu chuẩn xét nâng ngạch công chức theo yêu cầu về lập thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ còn cao, rất khó áp dụng trong thực tiễn hoạt động công vụ.

Cụ thể: Theo khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi 2019, có 02 trường hợp được xét nâng ngạch công chức: *“Có thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ khi giữ ngạch công chức hiện giữ, được cấp có thẩm quyền công nhận; Được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm”*. Trong đó, yêu cầu về thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ gồm các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được trong khi thực hiện

nhiệm vụ, công vụ của công chức và được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 138/2020/NĐ-CP như sau:

“- *Nâng từ ngạch nhân viên lên cán sự; từ ngạch cán sự lên chuyên viên: Được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 02 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;*

- *Nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính: Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;*

- *Nâng ngạch từ chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp: Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất hoặc đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.”*

Theo khoản 4, Điều 70, Nghị định 138/2020/NĐ-CP, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định đặc cách xét nâng ngạch công chức nếu công chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch cao hơn liền kề trong cùng ngành chuyên môn với ngạch hiện giữ mà không yêu cầu về thời gian giữ ngạch trong trường hợp:

“- *Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động công vụ;*

- *Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 03 năm liên tiếp kể từ ngày có quyết định tuyển dụng.”*

1.3. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý

Trong Nghị định thi hành Luật không đưa ra khung tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý của từng cấp để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước nên có tình trạng ở các cấp, ngành ban hành phân cấp về công tác cán bộ có quy định khác nhau cho cùng một chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý.

1.4. Việc kỷ luật công chức, viên chức

Chưa có sự thống nhất trong Luật cán bộ công chức, viên chức và văn bản của Đảng, cụ thể: Theo Nghị định 90/NĐ-CP quy định mức đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ áp dụng trong trường hợp “*có hành vi phạm trong việc thực thi nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá*” trong khi đó văn bản của Đảng quy định đảng viên bị thi hành kỉ luật trong năm đều đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

1.5. Việc thực hiện quy định chuyển đổi vị trí công tác

Một số cơ quan, đơn vị gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện quy định chuyển đổi vị trí công tác do không có vị trí phù hợp để sắp xếp, điều động đặc biệt là đối với các đơn vị đa ngành, đa lĩnh vực.

2. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

- Việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức còn gặp nhiều khó khăn, khi văn bản hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành chưa thực hiện đồng bộ;

- Chế độ tiền lương còn nhiều bất cập nên đời sống công chức, viên chức còn nhiều khó khăn, chưa thực sự yên tâm công tác;

- Chưa có cơ sở dữ liệu đảm bảo theo dõi, cập nhật số lượng công chức, viên chức thống nhất; việc ứng dụng công nghệ thông tin quản lý dữ liệu cán bộ, công chức còn hạn chế;

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức một số đơn vị không đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Công chức, viên chức làm nhiệm vụ tổ chức cán bộ, hành chính tổ chức thay đổi nhiều do luân chuyển, điều động, tuyển dụng mới nên kinh nghiệm và tính chuyên sâu còn hạn chế;

- Tính chất công việc ngày càng mới, phức tạp, mô hình quản lý cán bộ, công chức, viên chức chưa được đổi mới nhiều; quy trình đánh giá công chức, viên chức đã triển khai trên phần mềm tuy nhiên vẫn còn chưa thực sự hiệu quả do phần mềm khó sử dụng, không phù hợp với nhiều đối tượng;

- Một bộ phận công chức, viên chức năng lực còn hạn chế, tinh thần trách nhiệm chưa cao;

- Trong công tác đánh giá, kiểm tra cán bộ, công chức hằng năm vẫn còn hiện tượng nể nang, hình thức. Công tác thi đua, khen thưởng có đơn vị chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng chưa cao, còn mang tính hình thức;

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị nội dung cần được sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Cán bộ, công chức 2008, Luật Viên chức 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019:

- Sửa đổi Luật theo hướng cụ thể, giảm tải các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản của Đảng và Nhà nước đặc biệt quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; thống nhất cách phân loại công chức trong các văn bản quy phạm pháp luật.

- Sửa đổi bổ sung quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thống nhất với quy định của Đảng.

- Sửa đổi quy định về biệt phái công chức, viên chức theo hướng cụ thể, chi tiết các nội dung.

- Sửa đổi, bổ sung chế độ nâng ngạch theo vị trí việc làm và chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi cạnh tranh hoặc xét nâng ngạch tùy điều kiện, đặc điểm loại hình cơ quan, đơn vị và tính chất hoạt động công vụ của mỗi cơ quan, đơn vị.

- Cần quy định cụ thể quy trình xem xét xử lý kỷ luật và hình thức xử lý kỷ luật đối với các trường hợp công chức, viên chức đã nghỉ hưu nhưng mới phát hiện vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp để tổ chức thi hành có hiệu quả Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức sau khi được sửa đổi.

- Việc sửa đổi, bổ sung Luật đồng thời với việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện tạo sự đồng bộ, liên thông trong quá trình triển khai Luật.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức có hiệu quả, thiết thực bằng các hình thức đa dạng, phong phú, đến các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành Luật.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, Lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong việc quán triệt, chỉ đạo thực hiện Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức.

- Hoàn thiện cơ cấu, xây dựng vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập khi có hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành. Trên cơ sở đó, xác định rõ chức trách, nhiệm vụ, xây dựng bộ tiêu chí ứng xử nhằm đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của đội ngũ viên chức, người lao động.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật cán bộ, công chức, và Luật viên chức.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động theo đúng chương trình, kế hoạch đã đề ra, trong đó coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng xử lý công việc.

- Tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện Luật theo giai đoạn để sửa đổi, bổ sung kịp thời, hiệu quả.

UBND thành phố Hà Nội trân trọng báo cáo./. *vn*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Vụ CCVC-BNV;
- Các Sở, Ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố;
- VPUBTP: CVP, các PVP, TH, NC, KSTTHC;
- Lưu : VT, NC, SNV.

20486 - 6 *n*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *2/50*



Lê Hồng Sơn



Biểu số 01

TỔNG HỢP DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH ĐỂ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

(kèm theo Báo cáo số 131 /BC-UBND ngày 28 / 4/2023 của UBND Thành phố)

STT	Tên văn bản	Tình trạng hiệu lực	Lĩnh vực	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết				
I. Ban hành từ 01/01/2010 đến 01/7/2020				
1	Quyết định số 43/2010/QĐ-UBND ngày 06/9/2010 của UBND Thành phố ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương ở các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực. Được thay thế bằng Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của UBND Thành phố	Bổ nhiệm	
2	Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND Thành phố về việc quy định số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực. Được thay thế bằng Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND Thành phố	Cán bộ, công chức cấp xã	
3	Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực. Được thay thế bằng Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố	Đào tạo, bồi dưỡng	
4	Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức và giảng viên thỉnh giảng thuộc thành phố Hà Nội	Còn hiệu lực	Đào tạo, bồi dưỡng	
5	Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực. Được thay thế bằng Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND Thành phố	Tuyển dụng	
6	Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực. Được thay thế bằng Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND Thành phố	Tổ chức bộ máy, biên chế	
7	Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính thuộc UBND thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực. Được thay thế bằng Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND Thành phố	Tổ chức bộ máy, biên chế	

STT	Tên văn bản	Tình trạng hiệu lực	Lĩnh vực	Ghi chú
8	Quyết định số 53/2010/QĐ-UBND ngày 18/11/2010 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ	Hết hiệu lực. Được thay thế bằng Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND Thành phố	Chế độ chính sách	
9	Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội	Còn hiệu lực	Chế độ chính sách	
10	Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND Thành phố ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý, người quản lý doanh nghiệp, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã	Hết hiệu lực. Được thay thế bằng Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND Thành phố	Bổ nhiệm	
11	Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của UBND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố	Còn hiệu lực	Đào tạo, bồi dưỡng	
II. Ban hành từ 01/7/2020 đến nay				
1	Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND Thành phố về việc quy định số lượng và một số nội dung về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Còn hiệu lực	Cán bộ, công chức cấp xã	
2	Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND Thành phố ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội	Còn hiệu lực	Tổ chức bộ máy, biên chế	
3	Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND Thành phố ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã	Còn hiệu lực	Bổ nhiệm	
4	Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, thị trấn; quy định áp dụng Nội quy kỳ thi tuyển công chức xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội	Còn hiệu lực	Tuyển dụng	
5	Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội	Còn hiệu lực	Đào tạo, bồi dưỡng	
B. Văn bản hướng dẫn thi hành				
1	Hướng dẫn số 76/HDLS-NV-TC-LDTB&XH ngày 20/01/2011 của liên Sở: Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Quyết định 57/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND Thành phố quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực do Quyết định 57/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND Thành phố hết hiệu lực	Cán bộ, công chức cấp xã	

STT	Tên văn bản	Tình trạng hiệu lực	Lĩnh vực	Ghi chú
2	Hướng dẫn số 2939/HD-SNV ngày 12/11/2014 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn đánh giá, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động năm 2014	Hết hiệu lực	Đánh giá, xếp loại	
3	Hướng dẫn số 2995/HD-SNV ngày 27/11/2015 của Sở Nội vụ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức	Hết hiệu lực	Đánh giá, xếp loại	
4	Hướng dẫn số 2733/HD-SNV ngày 08/11/2016 của Sở Nội vụ về việc Đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực	Đánh giá, xếp loại	
5	Hướng dẫn số 2700/SNV-CCVC ngày 25/10/2017 của Sở Nội vụ về việc Đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố năm 2017	Hết hiệu lực	Đánh giá, xếp loại	
6	Văn bản số 1578/SNV-QLSN ngày 30/6/2016 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức	Còn hiệu lực	Chế độ, chính sách	
7	Hướng dẫn số 2688/HD-SNV ngày 20/11/2018 của Sở Nội vụ về đánh giá và phân loại hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực	Đánh giá, xếp loại	
8	Văn bản số 2416/SNV-TCBC ngày 07/10/2019 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND Thành phố	Hết hiệu lực do Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND Thành phố hết hiệu lực	Bổ nhiệm	
9	Hướng dẫn số 2909/HD-SNV ngày 25/11/2019 của Sở Nội vụ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội	Hết hiệu lực	Đánh giá, xếp loại	
10	Hướng dẫn số 3720/HD-SNV ngày 12/11/2020 của Sở Nội vụ về đánh giá và xếp loại chất lượng hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội	Còn hiệu lực	Đánh giá, xếp loại	
11	Văn bản số 141/SNV-TCBC ngày 17/01/2022 của Sở Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND của UBND Thành phố	Còn hiệu lực	Tổ chức bộ máy, biên chế	
12	Văn bản số 3546/SNV-XDCQ ngày 15/11/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ công chức xã, thị trấn đúng định hướng cơ cấu công chức quy định tại Quyết định 19/2020/QĐ-UBND của UBND Thành phố	Còn hiệu lực	Cán bộ, công chức cấp xã	



Biểu số 02
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(kèm theo Báo cáo số 131 BC-UBND ngày 28/4 2023 của UBND Thành phố)

Năm	Số lượng có mặt đến ngày 31/12 của năm							Thi tuyển						Xét tuyển						Tiếp nhận không qua thi tuyển			
	Công chức từ cấp huyện trở lên		Công chức phường thực hiện thi điểm theo mô hình chính quyền đô thị		Viên chức trong các đơn vị SNCL		Cán bộ, công chức cấp xã		Công chức		Viên chức		Công chức cấp xã		Công chức		Viên chức		Công chức cấp xã		Công chức	Viên chức	Công chức cấp xã
	Biên chế được giao	Số có mặt (tính đến ngày 31/12)	Biên chế được giao	Số có mặt (tính đến ngày 31/12)	Số lượng người làm việc được giao	Số có mặt (tính đến ngày 31/12)	Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Chỉ tiêu tuyển dụng	Số người trúng tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Số người trúng tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Số người trúng tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Số người trúng tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Số người trúng tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Số người trúng tuyển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)		
2010	9 056	7 164			94 192	85 711	5 364	5 181	1 182	1 018	2 849	2 638	927	876	22	22	451	436			14	2	
2012	9 293	8 706			112 261	103 751	6 004	5 476	211	162	9 029	8 719	1 593	1 326	2		3 088	2 768	58	51	35	40	
2022	7 935	7 232	2 625	2 339	116 047	105 007	5 348	3 843	205	162	1 202	308	190	150	36	2	5 179	4 051	17	17	102	31	82



Biểu số 03
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
(kèm theo Báo cáo số 131 /BC-UBND ngày 28/4/2023 của UBND Thành phố)

Năm	Nâng ngạch công chức									Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức													
	Tổng số kỳ thi	Lên ngạch CVCC và tương đương		Lên ngạch CVC và tương đương		Lên ngạch CV và tương đương		Lên ngạch CS và tương đương		Tổng số kỳ thi thăng hạng	Thi thăng hạng						Xét thăng hạng						
		Số công chức dự thi		Số công chức trúng tuyển		Số công chức dự thi		Số công chức trúng tuyển			Lên hạng I		Lên hạng II		Lên hạng III		Tổng số kỳ xét thăng hạng	Lên hạng I		Lên hạng II		Lên hạng III	
		Số công chức dự thi	Số công chức trúng tuyển	Số công chức dự thi	Số công chức trúng tuyển	Số công chức dự thi	Số công chức trúng tuyển	Số công chức dự thi	Số công chức trúng tuyển		Số viên chức dự thi	Số viên chức trúng tuyển	Số viên chức dự thi	Số viên chức trúng tuyển	Số viên chức dự thi	Số viên chức trúng tuyển		Số viên chức dự thi	Số viên chức trúng tuyển	Số viên chức dự thi	Số viên chức trúng tuyển		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
Tổng	28	44	36	1 938	1 276	895	632	17	17	30	278	241	4 231	3 206	29 482	28 653	6	18	18	94	92	202	213
2010	2	1	1	45	29	14	12	4	4	2	1	1	31	31	4	3	2			2	2	81	81
2011	2	3	3	21	16	1	1			2	17	17	98	87	9	7	2			2	2	68	74
2012	1	4	4	46	27	39	39	5	5	2	198	163	470	337	6	6	2			3	3	36	41
2013	2	3	3	38	29	45	37	3	3	1	35	34	12	5					1	1			
2014	2	18	10	97	50	29	23			2	2	1	1	1									
2015	1	1	1	51	27	93	82	5	5	1								18	18				
2016	6	4	4	507	221	260	127			1	20	20											
2017	1			66	54																		
2018										6			1 098	638	956	933							
2019	4	4	4	473	345	206	189																
2020	3			299	239	104	61			5			2 126	1 875	25 761	25 702							
2021	3			295	239	104	61			2	5	5	42	30									
2022	1	6	6							6			353	202	2 746	2 002				86	84	17	17



Biểu số 04
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
 (kèm theo Báo cáo số 131/BC-UBND ngày 28/4/2023 của UBND Thành phố)

Năm	Đào tạo											Nội dung bồi dưỡng																								
	Sau đại học			Đại học			Cao đẳng			Tổng số lượt cử đi bồi dưỡng	Lý luận chính trị			Quốc phòng - An ninh			Kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý			Kiến thức, kỹ năng QLNN			Theo yêu cầu của VTVL			Tin học			Ngoại ngữ			Tiếng dân tộc				
	Tổng số lượt cử đi đào tạo	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức		Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	Cán bộ	Công chức	Viên chức	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	
Tổng	21 574	203	518	6 262	148	249	10 804	11	110	3 269	1 413 924	8 182	7 261	42 958	5 601	6 496	56 021	3 334	3 506	10 825	2 663	3 150	3 694	92 058	115 343	976 363	521	3 709	51 232	614	745	19 611	5	19	13	
2010	1 648	18	52	422	12	27	852	2	15	248	129 578	1 165	864	5 238	572	624	4 598	352	347	1 128	352	301	365	8 576	9 852	88 642	78	321	4 231	101	121	1 748		1	1	
2011	1 796	12	60	461	8	29	964		9	253	96 230	1 057	822	4 896	501	589	4 403	314	355	1 056	247	208	314	8 175	8 963	58 692	58	301	3 531	98	78	1 572				
2012	1 787	15	57	479	16	25	901	1	17	276	102 775	938	801	3 752	547	638	4 275	289	278	984	275	301	258	8 021	8 536	67 215	68	401	3 689	89	57	1 362		1		
2013	1 741	19	51	536	22	9	846	3	22	233	125 553	896	758	3 559	575	545	4 489	256	308	986	211	326	321	7 869	7 542	91 387	35	389	3 780	56	87	1 178				
2014	1 765	27	47	557	20	17	786	4	20	287	120 412	765	682	4 218	502	452	4 357	225	397	978	214	258	250	7 652	7 782	85 698	23	243	4 587	121	80	925			3	
2015	1 575	31	34	602	8	15	652		6	227	112 648	725	632	3 267	498	427	4 127	257	298	896	204	258	278	7 589	8 621	78 452	30	241	4 714	21	92	1 021				
2016	1 684	25	61	675	2	13	621		1	286	126 399	653	581	2 431	472	437	4 185	234	276	968	201	245	234	7 421	8 368	93 247	56	231	4 945	31	42	1 136	1	3	1	
2017	1 425	10	49	513	1	9	589			254	119 329	603	576	2 357	401	509	4 362	251	243	847	198	234	258	7 123	8 165	86 975	42	289	4 558	25	51	1 257	3	1	1	
2018	1 180	19	38	312		11	531		2	267	116 849	536	675	2 214	386	586	4 411	278	241	801	213	237	261	6 875	9 236	84 365	32	375	4 128	38	37	921		3	3	
2019	1 256	8	28	409	3	7	552			249	113 416	429	388	2 398	342	571	4 120	302	289	736	182	269	237	6 522	9 004	82 103	20	456	3 587	21	45	1 389	1	4	1	
2020	1 663	12	23	614	1	5	755			253	92 528	145	156	2 595	285	327	4 320	352	314	572	196	243	431	4 239	9 156	64 113	21	132	3 033	4	19	1 871		1	3	
2021	2 421	2	10	112	55	78	1 993	1	18	152	63 557	150	190	893	200	290	3 381	149	104	301	102	185	69	4 632	9 582	38 483	43	237	2 697	1	11	1 852		5		
2022	1 633	5	8	570		4	762			284	94 650	120	136	5 140	320	501	4 993	75	56	572	68	85	418	7 364	10 536	56 991	15	93	3 752	8	25	3 379			3	



Biểu số 05
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
(kèm theo Báo cáo số 131/BC-UBND ngày 28/4/2023 của UBND Thành phố)

Năm	Cán bộ từ cấp huyện trở lên				Công chức					Viên chức					Cán bộ cấp xã					Công chức cấp xã					
	Tổng số	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Tổng số	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Tổng số	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Tổng số	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Tổng số	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
2010	169	110	59			6 493	2 622	3 705	162	4	80 293	31 250	43 352	5 436	255	5 338	1 730	3 260	332	16	5 134	1 340	3 511	251	32
2011	167	104	63			6 724	2 617	3 953	142	12	82 889	32 280	45 211	5 110	288	5 391	1 642	3 393	337	19	5 245	1 345	3 616	254	30
2012	169	111	58			6 876	2 778	3 924	156	18	92 302	34 929	51 579	5 429	365	5 400	1 635	3 382	362	21	5 619	1 487	3 816	275	41
2013	169	106	63			7 050	3 074	3 840	129	7	94 934	35 328	53 616	5 724	266	5 371	1 637	3 310	392	32	5 923	1 618	3 908	358	39
2014	180	115	65			8 128	3 810	4 188	115	15	105 316	39 522	59 015	6 553	226	5 489	1 848	3 252	363	26	5 971	1 614	3 946	384	27
2015	170	104	66			8 451	3 240	5 033	146	32	109 649	41 264	60 228	7 845	312	6 069	1 756	3 910	380	23	6 027	1 477	4 171	353	26
2016	178	111	65		2	8 573	3 209	5 183	148	33	113 664	41 156	63 976	8 203	329	6 125	1 841	3 886	362	36	5 934	1 377	4 113	401	43
2017	184	124	60			8 121	3 162	4 792	125	42	113 468	39 741	65 301	8 053	373	6 249	1 918	3 920	372	39	6 020	1 378	4 213	386	43
2018	187	82	105			7 489	2 094	5 218	143	34	111 674	36 608	67 324	7 317	425	6 140	1 416	4 278	388	58	5 942	1 104	4 416	369	53
2019	182	89	90		3	7 626	1 466	5 959	128	73	110 229	27 198	76 196	6 400	435	5 963	1 225	4 327	358	53	6 064	1 142	4 504	342	76
2020	169	59	110			7 264	1 338	5 786	87	53	112 952	25 397	81 017	5 997	541	5 797	1 266	4 175	316	40	6 137	1 222	4 523	338	54
2021	167	63	103		1	7 143	1 382	5 612	111	38	114 152	24 396	83 826	5 379	551	5 638	1 197	4 090	309	42	6 261	1 288	4 626	290	57
2022	166	48	116		2	7 189	1 327	5 690	115	57	115 001	23 453	85 288	5 811	449	5 700	1 237	4 056	345	62	6 195	1 229	4 545	345	76
Tổng	2 257	1 226	1 023		8	97 127	32 119	62 883	1 707	418	1 356 523	432 522	835 929	83 257	4 815	74 670	20 348	49 239	4 616	467	76 472	17 621	53 908	4 346	597



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Biểu số 06
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
(kèm theo Báo cáo số **131**/BC-UBND ngày **28/4** 2023 của UBND Thành phố)

Năm	Cán bộ				Công chức									Viên chức						Công chức cấp xã				
					Giữ chức vụ lãnh đạo					Không giữ chức vụ lãnh đạo				Giữ chức vụ quản lý				Không giữ chức vụ						
	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Bãi nhiệm	Khiển trách	Cảnh cáo	Giáng chức	Cách chức	Buộc thôi việc	Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Buộc thôi việc	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Buộc thôi việc	Khiển trách	Cảnh cáo	Buộc thôi việc	Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Buộc thôi việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
2010	13	3	3		2	1				8				9	1	1		26		1	17		1	1
2011	11	6	1		7	2				3	4			10	2		1	38	3	2	14	4		1
2012	23	15	1	2	17	2				11	2		1	12	3	4		45	7	8	23	6		1
2013	14	12	1	1	5	2				11	4		1	6	2	1		55	14	4	37	14	1	5
2014	8	3	4	1	10	2				14	4	2	2	3	2	4	1	64	14	2	20	13	1	3
2015	17	1	2	2	4		3	2		9	1		1	12	2	5	1	92	25	10	29	7		
2016	17	13	3	1	11	6	2	2		37	8		2	16	4	4		165	16	7	26	8		3
2017	46	16	1		12	6				33	1	1	1	19	1	4		179	18	9	45	14		1
2018	23	18	1	1	15	4		1		41	5		2	20	8	5		224	14	15	47	7		7
2019	28	8	2	1	19	11	1	2		22	5		4	19	6	2		305	19	5	64	11		4
2020	23	9		3	9	4	3	1	1	25	6	1	1	24	2		2	307	18	7	36	5	1	3
2021	22	14	2	2	5	1				30	2			29	5		6	419	16	8	48	14		2
2022	33	10	2	1	12	2				47	3		1	35	4	2	2	370	22	8	53	12		2
Tổng	278	128	23	15	128	43	9	8	1	291	45	4	16	214	42	32	13	2 289	186	86	459	115	4	33